

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:142/2020/HSST

Ngày: 24 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp: Cán bộ hưu trí

2. Bà Lê Thị Ngọc: Chủ tịch UBND phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Thành Thi là Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2020/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2020/HSST/QĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Cao Thị Mỹ D.; tên gọi khác: U, sinh năm 1981 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 8, khu vực 2, phường H., TP. Q.; tỉnh B; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Trần Văn T. (chết) và bà Cao Thị X. sinh năm 1938; Đã ly hôn chồng, có 03 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ nhất 08 tuổi; tiền án: Ngày 27/9/2019, bị Tòa án nhân dân TP. Q. xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày 27/9/2019 về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Q.; Có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N. sinh năm 1993; Trú tại: Số nhà 15 đường N. ., TP. Q., tỉnh B; Vắng mặt.

Chị Võ Thị Thu H. sinh năm 1973; Trú tại: Số nhà 03 đường N1., TP. Q., tỉnh B; Vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Đình T. sinh năm 1975; Trú tại: Số nhà 126 đường N2, TP. Q., tỉnh B; Vắng mặt.

Anh Nguyễn Tô A. sinh năm 1999; Trú tại: Tổ 17a, khu vực 4, phường Đ., TP. Q.; tỉnh B; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/8/2020, D. điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Spymax, màu đen, biển số 77X6-5557 đến chợ Đầm thuộc phường T., Tp Q. để trộm cắp tài sản. Đến nơi, D. để xe mô tô ở góc đường N3 - và đường P. rồi đi dạo xung quanh chợ. Khi phát hiện chị Nguyễn Thị Ngọc N. điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision BKS 77L2-048.13 đến để gần xe của D. rồi đi bộ tới mua trái cây của chị Hồ Thị Mỹ D. cách đó khoảng 02m, trên xe của chị N. có để một túi xách da màu xám hiệu Leea Tee bên trong có 5.000.000 đồng. D. quan sát xung quanh thấy không ai để ý nên lén lút chiếm đoạt túi xách của chị D.. Hành vi của D. bị Công an Tp Q. phát hiện, bắt quả tang và đưa trụ sở cơ quan Công an làm việc. Tại cơ quan điều tra, Cao Thị Mỹ D. thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ngoài ra còn khai báo về việc đã thực hiện các vụ trộm khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ ngày 17/6/2020, chị Võ Thị Thu H. điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH mode, BKS: 77L1-567.71 đến để trước số nhà 51 đường T., phường L., Tp Q. để mua đồ ăn sáng. Chị H. để trên xe một túi xách màu xanh da trời hiệu Juno bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A71 màu đen có ốp lưng màu xanh dương, 5.000.000 đồng, 110 USD, 02 SGD, một số tờ tiền Trung Quốc, Lào, Campuchia và một số giấy tờ cá nhân. Lúc này, Cao Thị Mỹ D. điều khiển xe mô tô BKS 77X6-5557 đi ngang qua thấy không ai để ý nên dừng xe, lén lút chiếm đoạt túi xách của chị H. rồi bỏ đi. D. đến công viên đường H., thuộc phường Đ., Tp Q. mở túi xách kiểm tra, giữ lại điện thoại di động hiệu Samsung A71, 5.000.000 đồng, 110 USD, 02 SGD. D. vứt bỏ túi xách, tiền Trung

Quốc, Lào, Campuchia và giấy tờ vào thùng rác tại công viên. D. đem số tiền ngoại tệ vừa chiếm đoạt được đến tiệm vàng M. thuộc đường L., phường T., Tp Q. đổi được 2.200.000 đồng. Sau đó, D. đem điện thoại Samsung A71 đến cửa hàng điện thoại Thành T. tại địa chỉ số 126 đường N, phường N., Tp Q. bán cho anh Phạm Đình T. được 4.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 12.200.000 đồng, D. tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản chị H. đến Công an phường L. trình báo.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/7/2020, Cao Thị Mỹ D. điều khiển xe mô tô BKS 77X6-5557 đi trên đường N1, khi đến sạp bán chuối tại địa chỉ 212 đường N1, phường N., Tp Q. của chị Phan Thị Ngọc D., thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead (không rõ biển kiểm soát) để cạnh bên, không ai trông coi. Lúc này, trên ba ga xe có để 01 túi xách màu nâu, nên D. dừng xe và lén lút chiếm đoạt túi xách rồi điều khiển xe bỏ đi. Khi đến đường H., Tp Q., D. kiểm tra trong túi xách có 80.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen. D. bán điện thoại cho Nguyễn Tổ A. với giá 800.000 đồng. Số tiền có được D. tiêu xài cá nhân, còn túi xách D. cất giấu ở nhà để sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an Tp Q. thông báo tìm bị hại nhưng chưa ai báo cáo mất tài sản.

Ngày 01/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Tp Quy Nhơn, kết luận: Túi xách màu xám hiệu LeeaTee, có dây đeo, kích thước (20x30x05)cm, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 60% trị giá là 200.000 đồng. Túi xách màu xanh da trời hiệu Juno, kích thước (30x15x20)cm, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 70% trị giá là 300.000 đồng. Túi xách có dây đeo màu nâu, kích thước (25x15x06)cm, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 50% trị giá là 150.000 đồng. Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 màu đen, đã qua sử dụng chất lượng còn lại khoảng 80% trị giá là 6.000.000 đồng. Điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen dung lượng 32 Gb, số imei: 3538040842766086, đã qua sử dụng chất lượng còn lại khoảng 65% trị giá là 4.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu Symax màu đen, BKS 77X6-5557, số máy: FMH-7A021411, số khung: PD7A-021411, đã qua sử dụng; 01 túi xách da màu xám, hiệu LeeaTee có dây đeo, kích thước (20x30x5)cm, đã qua sử dụng; 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ 500.000 đồng); 01 túi xách có dây đeo màu nâu, kích thước (25x15x6)cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, dung lượng 32 Gb, số Imei: 3538040842766086, đã qua sử dụng

Ngày 02/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an Tp Quy Nhơn ra Quyết định xử lý vật chứng trả túi xách hiệu LeeaTee và 5.000.000 đồng cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Ngọc N..

Đại diện gia đình của Cao Thị Mỹ D. đã bồi thường cho chị Võ Thị Thu H. số tiền 10.000.000 đồng. Nguyễn Thị Ngọc N., chị Võ Thị Thu H. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 150/CT - VKSQN ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Cao Thị Mỹ D. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Cao Thị Mỹ D. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm túi xách bên trong có 5.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc N. khi chị N. để túi xách trên xe mô tô, rồi đi bộ mua trái cây tại chợ Đ., thuộc phường T., TP. Q., tỉnh B. vào ngày 01/8/2020 và lấy 01 túi xách của chị Võ Thị Thu H., bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Sangsung A71, 5.000.000 đồng, 110 USD, 02 SGD, 01 ngoại tệ khác. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 19.090.914 đồng nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo vừa bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, phạm tội 02 lần nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản bị cáo trộm cắp phần lớn bị thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường tiền và giá trị tài sản không thu hồi được cho bị hại. nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 BLHS, buộc bị cáo chấp hành hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 117/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân TP. Q., tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo xe mô tô đang thu giữ; Giao túi xách và điện thoại Iphone 7 cho cơ quan Thi hành án TP. Quy Nhơn tiếp tục tạm giữ, sau 01 năm tính từ ngày đăng tin tìm bị hại không tìm được bị hại thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi các bị hại, bị cáo còn con nhỏ cần chăm sóc, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q., Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q., Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Cao Thị Mỹ D. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác bị cáo vừa bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên mặc dù đang trong thời gian thử thách của án treo, bị cáo vẫn tiếp tục lợi dụng sự sơ hở của các bị hại khi treo túi xách bên trong có tài sản trên xe mô tô để mua trái cây tại chợ hoặc mua thức ăn sáng trên đường lén lút lấy trộm túi xách bên trong có tiền, tài sản của họ. Bị cáo khai từ ngày 17/6 đến ngày 01/8/2020 bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn TP. Q., tỉnh B., nhưng chỉ có cơ sở xác định bị cáo đã thực hiện 02 vụ, chiếm đoạt của chị Võ Thị Thu H. 01 túi xách hiệu Juno màu xanh da trời bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Sangsung A71 màu đen có ốp lưng màu xanh dương, 5.000.000 đồng, 110 USD, 02 SGD, một số ngoại tệ khác, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc N. chiếc túi xách da màu xám hiệu Leea Tee bên trong có 5.000.000 đồng. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, giá trị quy đổi của ngoại tệ thu giữ được (USD, SGD) thì tổng giá trị tiền, tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị H., chị N. là 19.090.914 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội, thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt của từng vụ đều trên 2.000.000 đồng nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”; “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[3] Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, phần lớn tài sản bị cáo chiếm đoạt đã bị thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường tiền và giá trị tài sản không thu hồi được cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[4] Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS, buộc bị cáo chấp hành hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 117/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân TP. Q., tỉnh B.; Áp dụng Điều 56, Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[5] Bị cáo khai vào khoảng trưa ngày 26/7/2020 bị cáo có lấy trộm 01 túi xách màu nâu để trên ba ga xe mô tô hiệu Lead không nhớ biển kiểm soát dựng trước sạp bán chuối trước số nhà 212 đường N2., TP. Q., bên trong túi xách có 80.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu đen. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa điểm nơi bị cáo khai đã thực hiện việc trộm và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm bị hại nhưng đến nay chưa xác định được bị hại nên chưa có cơ sở để xử lý hành vi này của bị cáo.

[6] Phạm Đình T. mua điện thoại di động bị cáo lấy của chị H. mang đến bán nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo khai mang ngoại tệ đổi tại hiệu vàng M. nhưng bà Nguyễn Châu Tú V. chủ doanh nghiệp tư nhân hiệu vàng M. và các nhân viên trong doanh nghiệp không thừa nhận, không có chứng cứ khác để chứng minh việc doanh nghiệp này có nhận đổi ngoại tệ từ bị cáo nên không có căn cứ để xem xét.

Nguyễn Tô A. có mua điện thoại đi động Iphone 7 bị cáo khai chiếm đoạt vào ngày 26/7/2020 nhưng không biết đó là điện thoại bị cáo lấy trộm của người khác, không xác định được bị hại nên không có căn cứ để xem xét.

[7] Bồi thường thiệt hại:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N. đã nhận lại toàn bộ tiền, tài sản bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Tiền, tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Võ Thị Thu H. không thu hồi được, gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị H. 10.000.000 đồng, chị H. tự nguyện không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[8] Xử lý vật chứng:

Xét xe mô tô hiệu Symax màu đen, biển số 77X6 – 5557- số máy: FMH – 7A021411, số khung: PD7A-021411 là xe của bị cáo mua của ông Nguyễn Mạnh C. (Ông Nguyễn Mạnh C. mua của bà Nguyễn Thị H. nhưng chưa sang tên trên giấy đăng ký quyền sở hữu), đây là tài sản riêng của bị cáo nên trả lại xe này cho bị cáo.

Điện thoại Iphone 7 màu đen, dung lượng 32GB, số Imei: 353804084276086 đã qua sử dụng và chiếc túi xách da màu nâu có dây đeo, kích thước 25x15x6cm, đã qua sử dụng là tài sản bị cáo khai trộm của người khác. Cơ quan Điều tra đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm bị hại từ ngày 29/9/2020 nhưng đến nay chưa xác định được bị hại, loại tài sản này nếu để lâu không sử dụng sẽ bị hư hỏng nên thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Thị Mỹ D. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 55 BLHS, xử phạt bị cáo Cao Thị Mỹ D. 12 tháng tù. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 117/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân TP. Q., tỉnh B.. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là

18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 01/8/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Trả lại cho bị cáo xe mô tô hiệu Symax màu đen, biển số 77X6 – 5557- số máy: FMH – 7A021411, số khung: PD7A-021411, đã qua sử dụng;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại Iphone 7 màu đen, dung lượng 32GB, số Imei: 353804084276086 đã qua sử dụng và chiếc túi xách da màu nâu có dây đeo, kích thước 25x15x6cm, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

